

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2021 về việc “Tranh chấp xác định cha cho con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Anh Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Západní 1417/4, 36001, Karlovy V, Cộng hòa Séc.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của tòa án: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn H, xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Thân Đức B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên

đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Đặng Anh Đ kết hôn năm 2014 tại xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh Đ đi nước ngoài luôn và anh chị không sống chung ngày nào. Ban đầu vợ chồng vẫn quan tâm hỏi han nhau nhưng sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vì khoảng cách địa lý và bất đồng về quan điểm, chị có quen anh Thân Đức B là người cùng thôn với chị, chị và anh B chung sống như vợ chồng. Anh chị đã quen nhau khoảng đầu năm 2015 và cuối năm 2015 chị biết mình có thai với anh B. (Mặc dù vẫn đang trong quan hệ hôn nhân với anh Đặng Anh Đ).

Ngày 27/7/2016 chị sinh con là cháu Thân Nguyễn Huy C. Chị đã làm giấy khai sinh cho cháu mang tên mẹ là Nguyễn Thị N, bố là Thân Đức B.

Đầu năm 2016 chị có làm đơn xin ly hôn anh Đặng Anh Đ, chị và anh Đ đã giải quyết ly hôn tại Bản án số 26/2016/HNGĐ-ST ngày 22/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản án ly hôn đã có hiệu lực pháp luật.

Cuối năm 2017 chị và anh Thân Đức B có xảy ra mâu thuẫn và không thể chung sống cùng nhau được nữa, nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Thân Đức B tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018 Tòa án đã giao con chung là cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 để chị nuôi dưỡng và không giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị vẫn đang nuôi cháu C.

Chị đã có kết quả xét nghiệm AND số HID 2103105 ngày 27/03/2021 của bệnh viện MEDILATEC và kết quả chính xác cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 là con của anh Thân Đức B. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết xác nhận anh Thân Đức B là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, cháu Thân Nguyễn Huy C là con đẻ của anh Thân Đức B, còn cháu Thân Nguyễn Huy C không phải là con của anh Đặng Anh Đ.

Bị đơn anh Đặng Anh Đ trình bày:

Anh có quen biết chị Nguyễn Thị N và anh, chị tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân. Ngày 10/7/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V. Sau khi kết hôn anh sang cộng hòa Séc để làm ăn ngay và vợ chồng không ở cùng nhau. Không có con chung và tài sản chung. Khi anh đi nước ngoài ở nhà chị N có quen biết ai không thì anh không được biết. Do không quan tâm tới nhau và khoảng cách về địa lý nên đầu năm 2016 chị N có làm đơn xin ly hôn anh. Tại Bản án số 26/2016/HNGĐ-ST ngày 22/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định cho anh và chị Nguyễn Thị N ly hôn và bản án ly hôn đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ đó thì anh chị không còn liên lạc gì với nhau nữa chị N quen ai làm gì ở đâu anh cũng không biết.

Nay chị N làm đơn xác định cha cho con là cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 thì anh xác định là cháu Thân Nguyễn Huy C không phải là con

anh. Vì khi kết hôn xong anh đi nước ngoài ngay không ở nhà và không chung sống với chị N ngày nào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho anh Đ theo văn bản ủy thác số: 42/UTTP-TA5 ngày 01/12/2021. Trước thời gian xét xử phiên tòa anh Đ có văn bản gửi từ nước ngoài về thể hiện quan điểm giải quyết vụ án có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Séc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thân Đức B trình bày:

Anh và chị N quen nhau khoảng năm 2015. Khi đó chị N vẫn đang trong quan hệ hôn nhân với một người khác (anh Đặng Anh Đ). Cuối năm 2015 anh được biết là chị N có thai với anh. Chị N vẫn đang trong quan hệ hôn nhân hợp pháp với người khác và chưa giải quyết ly hôn.

Ngày 27/7/2016 chị N sinh con là cháu Thân Nguyễn Huy C. Anh đã làm giấy khai sinh cho cháu mang tên mẹ là chị Nguyễn Thị N, bố là Thân Đức B.

Đầu năm 2016 chị N có làm đơn xin ly hôn anh Đặng Anh Đ là người trong quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Bản án số 26/2016/HNGĐ-ST ngày 22/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản án ly hôn đã có hiệu lực pháp luật. Sau đó anh và chị N về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuối năm 2017 anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn và không thể chung sống cùng nhau được nữa, nên chị N đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đã quyết định không công nhận anh và chị N là vợ chồng, về con chung: Giao con chung là cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 cho chị N nuôi dưỡng và không giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị N vẫn đang nuôi cháu C. Anh xác định cháu C là con chung của anh và chị N.

Anh được biết chị N đang làm đơn xác định cha cho con tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Anh đề nghị Tòa án xác định cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 là con của anh (Thân Đức B), không phải là con của anh Đặng Anh Đ, sinh năm 1991, hiện nay đang lao động tại nước ngoài.

Anh xin cam đoan những lời khai của anh là đúng, nếu sai anh xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N, anh Đặng Anh Đ, anh Thân Đức B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của các đương sự trong vụ án tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì

nguyên đơn, bị đơn chấp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 và Điều 128 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xác định cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 là con đẻ của anh Thân Đức B; cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 không phải con đẻ của anh Đặng Anh Đ.

Về án phí: Chị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N, địa chỉ tại: thôn P, xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị N khởi kiện về việc xác nhận cha cho con (xác nhận anh Thân Đức B là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016). Bị đơn anh Đặng Anh Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Západní 1417/4, 36001, Karlovy V, Cộng hòa Séc; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thân Đức B, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn P, xã H (nay là thị trấn Nénh), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp “xác định cha cho con” có đương sự đang cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm;

[2]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, bị đơn anh Đặng Anh Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Thân Đức B có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị N, anh Đ, anh B.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của chị N: Chị N và anh Đặng Anh Đ kết hôn năm 2014 tại xã Hoàng Ninh (nay là thị trấn Nénh), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh Đ đi nước ngoài sinh sống, chị N và anh Đ không sống chung ngày nào. Mặc dù vẫn đang trong quan hệ hôn nhân với anh Đặng Anh Đ nhưng năm 2015 chị N có quen anh Thân Đức B là người cùng thôn với chị và anh chị chung sống như vợ chồng, cuối năm 2015 chị N biết mình có thai với anh B. Ngày 27/7/2016 chị N sinh con là cháu Thân Nguyễn Huy C. Chị Ngọc đã làm giấy khai sinh cho cháu mang tên mẹ là Nguyễn Thị N, bố là Thân Đức B. Đầu năm 2016 chị khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Anh Đ, chị N và anh Đ đã được Tòa án giải

quyết cho ly hôn. Cuối năm 2017 chị và anh Thân Đức B có xảy ra mâu thuẫn và không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Thân Đức B. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018. Tòa án đã quyết định không công nhận chị và anh B là vợ chồng, và giao con chung là cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 cho chị nuôi dưỡng và không giải quyết về cấp dưỡng. Khi có kết quả xét nghiệm AND số HID 2103105 ngày 27/03/2021 của bệnh viện MEDILATEC và kết quả chính xác cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 là con của anh Thân Đức B. Anh Đặng Anh Đ cũng xác định cháu Thân Nguyễn Huy C không phải là con anh. Do vậy, chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết xác nhận anh Thân Đức B là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, cháu Thân Nguyễn Huy C là con đẻ của anh Thân Đức B, cháu Thân Nguyễn Huy C không phải là con của anh Đặng Anh Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin xác nhận cha cho con của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy: Cả chị N, anh Đ, anh B đều thừa nhận ngày 10/7/ 2014 chị N kết hôn cùng anh Đ, sau khi kết anh Đ đi nước ngoài luôn vợ chồng không chung sống cùng nhau, đến đầu năm 2015 chị N chung sống như vợ chồng với anh B và mang thai với anh Thân Đức B và ngày 27/7/2016 sinh con là cháu Thân Nguyễn Huy C, khi chị N và anh Đ vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân, chưa ly hôn. Ngày 22/12/2016 chị N và anh Đặng Anh Đ có quyết định ly hôn theo bản án số 26/2016/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Cuối năm 2017 do mâu thuẫn với anh B và chị N khởi kiện đề nghị không công nhận chị và anh B là vợ chồng và giải quyết về con chung. Tại bản án sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018 đã quyết định không công nhận chị N và anh B là vợ chồng và giao con chung Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 cho chị N nuôi dưỡng. Chị N, anh Thân Đức B đều khẳng định cháu Thân Nguyễn Huy C là con đẻ của anh Thân Đức B. Anh Đặng Anh Đ cũng thừa nhận điều này và khẳng định cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 không phải là con đẻ của anh. Mặt khác, theo kết quả phân tích AND huyết thống số HID 2103105 ngày 27/03/2021 của bệnh viện MEDILATEC và kết luận cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 là con của anh Thân Đức B (có quan hệ huyết thống cha-con).

Do vậy, yêu cầu xác nhận cha cho con của chị N là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 và Điều 128 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Tuyên bố anh Đặng Anh Đ không phải là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016 và xác định anh Thân Đức B là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 102 và Điều 128 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N .

1. Xác định anh Đặng Anh Đ không phải là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016.

2. Xác định anh Thân Đức B là cha đẻ của cháu Thân Nguyễn Huy C, sinh ngày 27/7/2016.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Thân Đức B không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đặng Anh Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

